



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN**

**BẢN TIN PHÁP LUẬT  
THÁNG 11/2024**



# MỤC LỤC

<b>A. VĂN BẢN MỚI.....</b>	<b>1</b>
1. Nghị định 143/2024/NĐ-CP bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.....	1
2. Thông tư 76/2024/TT-BTC quy định chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.....	3
3. Nghị định 147/2024/NĐ-CP quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet, thông tin trên mạng.....	5
<b>B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN.....</b>	<b>7</b>
1. Công văn 51359/CTHN-TTHT v/v sử dụng hóa đơn điện tử trong khu chế xuất khi thanh lý tài sản.....	7
2. Công văn 4991/TCT-CS của Tổng cục Thuế về chính sách thuế đối với giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại.....	8
3. Công văn 2521/CTVPH-TTHT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc.....	9
<b>C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM.....</b>	<b>10</b>
1. Công văn 3644/CTTGI-TTHT kê khai bổ sung khi người mua trả hàng.....	10
2. Công văn 5071/TCT-KK 2024 hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư.....	10
3. Công văn 3052/CTAGI-TTHT về hóa đơn điện tử hàng hóa xuất khẩu.....	11

## **A. VĂN BẢN MỚI**

### **1. Nghị định 143/2024/NĐ-CP bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động**

**Ngày ban hành: 01/11/2024**

**Ngày hiệu lực: 01/11/2025**



**Ngày 01/11/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 143/2024/NĐ-CP quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.**

**Điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện với NLD làm việc không theo HĐLĐ**

Căn cứ tại Điều 5 Nghị định 143/2024/NĐ-CP có quy định về điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện như sau:

- Người lao động đang tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện được hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện quy định tại Điều 4 Nghị định 143/2024/NĐ-CP khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do tai nạn lao động xảy ra trong thời gian tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện;

+ Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 143/2024/NĐ-CP .

- Người lao động không được hưởng các chế độ tai nạn lao động tại Điều 4 của Nghị định 143/2024/NĐ-CP nếu tai nạn xảy ra do một trong các nguyên nhân sau:

+ Mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến công việc, nhiệm vụ lao động;

+ Người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân;

+ Sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện trái quy định của pháp luật.

### **Thời hạn giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện**

Người lao động hoặc thân nhân người lao động bị nạn nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 143/2024/NĐ-CP cho cơ quan bảo hiểm xã hội đã đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện trong thời hạn như sau:

- 30 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

- 90 ngày kể từ ngày người lao động đang đóng bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện bị chết.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

**2. Thông tư 76/2024/TT-BTC quy định chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.**

**Ngày ban hành: 06/11/2024**

**Ngày hiệu lực: 25/12/2024**

Theo đó, hướng dẫn công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước trước đợt chào bán trái phiếu như sau:

(1) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định 153/2020/NĐ-CP và khoản 14 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP, cụ thể:



Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.

- Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung công bố thông tin trên, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 153/2020.

- Việc doanh nghiệp gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 32 Nghị định 153/2020, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

Lưu ý:

- Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

+ Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định trên.

+ Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc công bố thông tin như đợt chào bán đầu tiên, trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định 153/2020.

- Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định 153/2020.

(2) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 76/2024/TT-BTC .

(3) Hình thức công bố thông tin:

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo tối thiểu một trong các hình thức sau:

+ Văn bản giấy

+ Văn bản điện tử

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu công bố thông tin theo hình thức văn bản điện tử cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

**3. Nghị định 147/2024/NĐ-CP quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet, thông tin trên mạng**

**Ngày ban hành: 09/11/2024**

**Ngày hiệu lực: 25/12/2024**

**Từ 25/12/2024, phải xác thực tài khoản bằng số điện thoại mới được đăng bài trên mạng xã hội**

Theo đó, tại Điều 27 Nghị định 147/2024/NĐ-CP quy định đã cụ thể về điều kiện đối với trang thông tin điện tử, mạng xã hội trong nước. Theo đó:

**(1) Điều kiện về tổ chức, nhân sự:**

- Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam;
- Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được.

**(2) Điều kiện về kỹ thuật:**

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải.
- Đối với mạng xã hội: Lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng dịch vụ và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

Thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định của pháp luật;...

**(3) Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:**

- Lưu trữ thông tin của người sử dụng dịch vụ từ Việt Nam khi đăng ký tài khoản mạng xã hội, bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân).

- Trường hợp người sử dụng dịch vụ là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em và có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung trẻ em truy cập, đăng tải và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội

**Thực hiện xác thực tài khoản của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội bằng số điện thoại di động tại Việt Nam.**

Chỉ trong trường hợp người sử dụng xác nhận không có số điện thoại di động tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Trường hợp người sử dụng dịch vụ sử dụng tính năng livestream với mục đích thương mại, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

**Bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội.**





## **B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN**

### **1. Công văn 51359/CTHN-TTHT v/v sử dụng hóa đơn điện tử trong khu chế xuất khi thanh lý tài sản**



Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào nội địa thì tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra

chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản theo quy định tại Điều 26 Nghị định 35/2022/NĐ-CP. Công ty thực hiện kê khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Về việc nộp hồ sơ khai thuế GTGT Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Điều 8 và Điều 9 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 Cơ quan thuế đã thông báo chấp nhận đề nghị đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP của Công ty.

- Hình thức sử dụng: Hóa đơn có mã của cơ quan thuế
- Loại hóa đơn: Hóa đơn bán hàng

Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào nội địa thì Công ty sử dụng Hóa đơn bán hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

## **2. Công văn 4991/TCT-CS của Tổng cục Thuế về chính sách thuế đối với giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại**

Về nguyên tắc việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc



chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu, tiền thuế tương ứng.

Do đó, trường hợp Công ty phát sinh khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại theo thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc, phụ lục hợp đồng và các Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết, Công ty có đầy đủ hồ sơ chứng từ và đảm bảo tính pháp lý, tính chính xác đối với các tài liệu chứng minh cho việc thực hiện giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại trên thì Công ty lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa. Căn cứ hóa đơn điều chỉnh đã lập, Công ty thực hiện kê khai điều chỉnh doanh thu bán hàng theo quy định.

### **3. Công văn 2521/CTVPH-TTHT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc**

Trường hợp chi nhánh hạch toán phụ thuộc (sau đây gọi là Chi nhánh) của Công ty trực tiếp bán hàng, sử dụng hoá đơn do Chi nhánh đăng ký hoặc do Công ty đăng ký với cơ quan thuế quản lý Chi nhánh, theo dõi hạch toán đầy đủ thuế giá trị gia tăng đầu ra, đầu vào thì Chi nhánh khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của Chi nhánh. Về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. Số thuế GTGT còn được khấu trừ (nếu có) của Chi nhánh không được tổng hợp cùng với số thuế GTGT còn được khấu trừ của Công ty khi Công ty đề nghị hoàn thuế GTGT với cơ quan thuế quản lý.



## **C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM**

### **1. Công văn 3644/CTTGI-TTHT kê khai bổ sung khi người mua trả hàng**

Trường hợp Công ty có thực hiện điều chỉnh hóa đơn sai sót theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì thực hiện kê khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.



### **2. Công văn 5071/TCT-KK 2024 hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư**



Đối với số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư do Công ty trực tiếp quản lý không được hoàn nhưng đủ điều kiện khấu trừ, Công ty được chuyển số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư chưa được hoàn để khấu trừ tiếp và bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty trực tiếp quản lý, đang kê khai tại Cục Thuế TP Hải Phòng (nếu có).

### **3. Công văn 3052/CTAGI-TTHT về hóa đơn điện tử hàng hóa xuất khẩu**

Thời điểm lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu (cũng là thời điểm xác định doanh thu tính thuế) là thời điểm sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu và được xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan; tức là thời điểm hoàn thành các thủ tục hải quan để hàng hóa được xuất khẩu (thông quan) quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH, điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và khoản ' 4 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC).



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN** là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN** được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN**

**CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ, DỊCH VỤ CHUYỂN GIÁ**

**Văn Phòng** : 622/3 Cộng Hòa, Phường.13, Q. Tân Bình, Tp.HCM

**Trụ sở** : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

**ĐT** : 0283 500 4494 **Web:** [www.kiemtoandaitin.com](http://www.kiemtoandaitin.com)

**Email** : langtat@kiemtoandaitin.com; minhthu@kiemtoandaitin.com

**Nếu Quý Công ty cần tư vấn chi tiết thì hãy liên hệ phòng tư vấn của Công ty**

**Chúng tôi với số điện thoại dưới đây:**

Mr. Lăng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0908 608 955

Ms. Thư - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0343 801 369